

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁNG CHIẾN Ở NAM BỘ (1945-1954)

Lưu Văn Quyết⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 15/01/2021; Ngày gửi phân biện 17/01/2021; Chấp nhận đăng 20/02/2021

Liên hệ Email: luuvanquyet@hcmussh.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.01.160>

Tóm tắt

V.I. Lênin cho rằng, trong chiến tranh hiện đại, “tổ chức kinh tế có một ý nghĩa quyết định”. Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và sớm nhận thức đúng vai trò của kinh tế đối với quá trình phát triển của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm đề ra chủ trương toàn dân thực hiện kết hợp vừa đánh giặc, vừa tăng gia sản xuất. Trong suốt 10 năm kháng chiến chống Pháp tái xâm lược (1945-1954), ngoài hoạt động chủ đạo và ngày càng dồn dập của mặt trận chính trị và quân sự, tại chiến trường trọng điểm Nam Bộ còn diễn ra mặt trận kinh tế không kém phần ác liệt và nóng bỏng. Dưới tác động mạnh mẽ của chiến tranh, việc xây dựng kinh tế kháng chiến ở miền Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng phải đối diện với nhiều khó khăn, thử thách to lớn, không chỉ đổ mồ hôi, công sức mà còn cả máu để có thể hoàn thành nhiệm vụ “thực túc binh cường”, góp phần đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Từ khóa: Kinh tế kháng chiến, Nam Bộ, hoạt động, Pháp

Abstract

SOME RESISTANCE-WAR ECONOMIC ACTIVITIES IN THE SOUTHERN VIETNAM (1945-1954)

V.I. Lenin said that in the modern war, “economic organization plays a decisive role”. Recognizing the Marxism-Leninism’s viewpoints and the role of economy in the development of the revolution, President Ho Chi Minh and the Communist Party of Vietnam soon set out the policy that people agree to suitable for both fighting the enemy and producing. During the 10 years of resistance war against the French re-invasion (1945-1954) in the key battlefield of the South, along with the increasingly active main activities of the political and military fronts, the economic front also took place fiercely and ferociously. Under the strong impact of the war, the construction of the resistance economy in the South of Vietnam faced many great difficulties and challenges that required sweat, blood and tears to complete the mission “the food is plentiful, the army is powerful”, contributed to the victory of the resistance.

1. Giới thiệu

Kinh tế kháng chiến trong bài viết này được hiểu là các hoạt động tổ chức sản xuất và huy động tổng hợp nguồn lực vật chất, tài chính để phục vụ cho cuộc kháng chiến chống xâm lược. Nguồn lực đó được huy động để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu như: Lương thực-thực phẩm, trang thiết bị vũ khí, quần áo, thuốc, giấy, mực,... phục vụ trực tiếp cho cuộc chiến. Trong một chừng mực nhất định, kinh tế kháng chiến đồng thời cũng thực hiện nhiệm vụ kiến quốc và phục vụ đời sống dân sinh. Hồ Chủ tịch đã nói: “Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc, kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi” (Hồ Chí Minh, 2011).

Nam Bộ (bao gồm miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ) nằm ở phía Nam của Tổ quốc Việt Nam với diện tích khoảng 64.400km². Phía Bắc tiếp liền với Tây Nguyên, phía Đông là biển Đông, phía Nam là vịnh Thái Lan, phía Tây giáp Campuchia. Nam Bộ là một chiến trường có ý nghĩa chiến lược “sống còn” đối với chế độ thực dân cũ và mới ở miền Nam. Mặt khác, Nam Bộ còn là một “kho của, kho người”, nơi có tiềm lực lớn về nhân tài, vật lực cho chiến tranh. Ngày 23/9/1945 khi nền dân chủ cộng hòa vừa được thành lập chưa đầy 1 tháng, Nam Bộ đã đứng lên kiên quyết kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược. Sau đó Nam Bộ chuyển thành chiến trường sau lưng địch, phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ. Trong quá trình ấy, chiến tranh du kích đã phát triển, các lực lượng cách mạng ở Nam Bộ đã từng bước trưởng thành và đẩy mạnh kháng chiến, uy tín và ảnh hưởng của cách mạng đã ăn sâu vào cuộc sống hàng triệu người, nhất là nông dân Đồng bằng sông Cửu Long. Chính sách ruộng đất và các chính sách kinh tế - xã hội khác của Chính phủ kháng chiến đã sớm được thực hiện, đem lại lợi ích thiết thực cho cuộc sống của quân, dân, chính, đảng ở Nam Bộ (Hà Minh Hồng, 2008), góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

2. Tổng quan tài liệu

Vùng đất Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu để làm rõ, trong đó, các khía cạnh về kinh tế, mà trực tiếp là kinh tế kháng chiến thời kỳ chống Pháp tái xâm lược (1945-1954) dù đã và đang được nghiên cứu, song vẫn còn có nhiều “khoảng trống”. Đã có một số công trình nghiên cứu về lịch sử kinh tế Việt Nam nói chung, kinh tế miền Nam nói riêng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được công bố như Đặng Phong (2002), Hà Minh Hồng (2008), Võ Văn Sen (2011), Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết (2021), Viện Kinh học (1990), Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), Tổng cục hậu cần (1985), Cục văn thư lưu trữ Nhà nước (2012), Ban Kinh - Tài Trung ương Cục miền Nam (2007), Bộ tư lệnh Quân khu 9 (1998), Bộ tư lệnh Quân khu 7 (2018),... tuy nhiên phần nhiều các nhà nghiên cứu này tập trung tìm hiểu về kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoặc kinh tế

trong vùng tạm chiếm ở miền Nam, kinh tế miền Nam dưới tác động của viện trợ Mỹ,... Cho đến nay, các nguồn tư liệu mà chúng tôi tiếp cận được cho thấy, các nội dung liên quan đến kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp được đề cập hoặc ở những khía cạnh đơn lẻ, hoặc còn tổng quát, chưa đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện. Trên cơ sở tham khảo các nguồn tư liệu của các nhà nghiên cứu đi trước, thực hiện nghiên cứu này chúng tôi tiến hành khai thác phong lưu trữ của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, bao gồm các Nghị định, Chỉ thị, Quyết định, Báo cáo... về đường lối, chủ trương, chính sách, quá trình xây dựng, hoạt động, tổng kết về kinh tế Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, các quan điểm chỉ đạo của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hậu phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân. Bên cạnh đó, các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp logic và phân kỳ lịch sử được sử dụng để làm rõ bối cảnh hình thành chủ trương cũng như những hoạt động của nền kinh tế kháng chiến Nam bộ giai đoạn 1945-1954; đồng thời còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành như: thống kê, so sánh, đối chiếu... để có thể nhận thực và đánh giá vấn đề nghiên cứu một cách khoa học và khách quan hơn.

3. Hoạt động kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ (1945-1954)

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nói chung, Nam Bộ nói riêng có những thuận lợi nhất định nhưng cũng phải đương đầu với những khó khăn rất lớn, trong đó vấn đề “giặc đói”. Lúc này, có quá nửa diện tích đồng ruộng ở Bắc Bộ bị bỏ hoang, cả năm 1945 chỉ thu được 500.000 tấn (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 1997), ngân khố Quốc gia chỉ còn 1.230.720 đồng Đông Dương, trong đó 586.000 đồng là tiền rách không sử dụng được chờ thu hồi (Viện kinh tế học, 1990), số nợ ngân khố lên tới 564.367.522 đồng (Viện kinh tế học, 1960). Với nhận thức kháng chiến muốn thắng lợi thì đất nước và nhân dân phải vững mạnh về kinh tế, ngay trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra sáu nhiệm vụ cấp bách phải làm ngay, trong đó nhiệm vụ diệt “giặc đói” được đặt lên hàng đầu, và kêu gọi toàn dân bắt tay ngay vào giải quyết những khó khăn về kinh tế để tạo điều kiện xây dựng đất nước và tiến hành kháng chiến (Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết, 2021).

Ở Nam Bộ, chỉ 3 tuần sau ngày tuyên bố độc lập, ngày 23/9/1945 nhân dân lại phải đứng lên cầm súng chiến đấu chống lại thực dân Pháp quay trở lại xâm lược. Trong vòng một tháng (từ ngày 23/9 đến ngày 23/10/1945) cuộc kháng chiến đã lan ra khắp miền Đông, miền Tây Nam Bộ và kéo ra tới tận Nha Trang - Khánh Hòa (Nam Trung Bộ) (Lưu Văn Quyết, 2019). Chưa đủ thời gian chuẩn bị, nhân dân Nam Bộ vừa phải tiến hành kháng chiến, vừa phải tiến hành xây dựng, vận hành nền kinh tế kháng chiến để phục vụ lực lượng quân, dân, chính, đảng chiến đấu chống thực dân Pháp. Do xa Trung ương, lại bị đặt trong điều kiện bị chiếm đóng, kiểm soát ngay từ đầu, cùng với đó là cuộc kháng chiến ngày một ác liệt,... vì thế những hoạt động về kinh tế ở Nam Bộ

gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, do sớm xác định kinh tế luôn là nhu cầu cấp thiết, có vai trò quan trọng, có ý nghĩa lớn lao góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến,... dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, mặt trận kinh tế ở Nam Bộ đã theo sát sự phát triển của chiến trường; chính quyền kháng chiến đã tổ chức bộ máy kinh tài các cấp, thực hành xây dựng, phát triển kinh tài nhằm đáp ứng một phần những yêu cầu của quân, dân, chính, đảng. Thực chất đây là các bộ phận của nền kinh tế thời chiến được thành lập và đi vào hoạt động nhằm “tự lực cánh sinh”, “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” (Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết, 2021).

Từ cuối năm 1945, các tỉnh ở Nam Bộ, chính quyền kháng chiến các cấp đã phát động các phong trào lạc quyền, cứu đói, tuần lễ vàng, quyền góp gạo, tiền ủng hộ bộ đội, lập hũ gạo nuôi quân,... Để có kinh tế vận hành kháng chiến trường kỳ, ngày 1/11/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 102/SL cho phép phát hành ở Nam Bộ các tín phiếu 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng có giá trị như giấy bạc Việt Nam. Tiếp đó, ngày 2/3/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tiếp Sắc lệnh số 147-SL, cho phép phát hành tại Nam Bộ và lưu hành trong toàn quốc giấy bạc loại mới 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 đồng và 100 đồng, lúc này “giấy bạc Cụ Hồ” lưu hành ở Nam Bộ đã thay thế tiền Đông Dương ngân hàng của chính quyền thực dân (Ban Kinh – Tài Trung ương Cục miền Nam, 2007). Đầu năm 1948, Nam Bộ được Trung ương chấp thuận cho tự ấn loát và phát hành các tờ bạc 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 và 100 đồng riêng (được gọi chung là “giấy bạc Việt Nam” để phân biệt “giấy bạc Trung ương” do miền Bắc phát hành). Cơ sở in tiền kháng chiến Nam Bộ đầu tiên đặt ở Đồng Tháp với tên gọi Ban ấn loát đặc biệt (mật danh là Ban trông tia số 10). Việc Nam Bộ được tự in đồng tiền riêng là một bước ngoặt rất quan trọng, không chỉ tránh được tình trạng chậm trễ, bấp bênh của đường chuyển tiền từ miền Bắc vào Nam, mà còn giúp thu phục “nhân tâm”, tăng thêm sức mạnh và uy tín chính quyền kháng chiến trong lòng dân (Quốc Minh, 2017).

Để đảm bảo công tác thu - chi tài chính đạt hiệu quả, phục vụ cho kháng chiến trường kỳ, ngày 8/12/1947 Chủ tịch Ủy ban Hành chính Nam Bộ ra Nghị định quy định về cách thức phân phối số thầu của Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh. Theo đó, kể từ ngày 1/1/1948, sự phân phối số thầu của Ủy ban Hành chính kháng chiến tỉnh phải thực hiện theo cách thức: Trong tổng số thầu của tỉnh lấy 40% để dành cung cấp cho các ngành thuộc quân sự, 20% để bỏ vào quỹ dự trữ, 40% còn lại tỉnh sẽ dùng để trang trải các chi phí thuộc ngành hành chính (Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, 1947a). Để tiến hành thầu góp, kiểm soát và giữ tiền một cách hiệu quả, năm 1948 Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ ra Nghị định thành lập quỹ “đồng bạc kháng chiến” ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Theo quy định, số tiền thu được từ quỹ “đồng bạc kháng chiến” sẽ giao về Ủy ban Kháng chiến hành chính địa phương để chi dùng cho việc quân sự (Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, 1948a); đồng thời, cho phát hành công phiếu, trái phiếu kháng chiến,... Với tinh thần yêu nước và lòng tin đối với chính quyền cách mạng, nhân dân Nam Bộ vừa chiến đấu, vừa kiến quốc, nhiệt tình đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Xác định ruộng đất là một trong những vấn đề lớn của sản xuất nông nghiệp. Từ sau Cách mạng tháng tám đến hết năm 1952, Đảng và Chính phủ chưa chủ trương làm cách mạng ruộng đất, nhưng đã có nhiều biện pháp để giải quyết vấn đề ruộng đất một cách hợp tình hợp lý. Ngày 13/11/1945, Nhà nước đã ra thông tư về việc giảm 25% mức địa tô đối với tá điền, cấy thuê. Tháng 5/1950, Nhà nước ban hành quy chế lĩnh canh, nhằm đảm bảo quyền lợi ổn định cho những người lĩnh canh. Ngày 1/7/1949, Nhà nước ban hành quy chế 75/SL về việc tạm cấp ruộng đất của Việt gian và thực dân Pháp cho nông dân, bộ đội, du kích và những người tá điền đã từng lĩnh canh trên mảnh đất đó. Mức tạm cấp tối đa ở Bắc Bộ và Trung Bộ là 0,5 ha/người, ở Nam Bộ là 1 ha/người (Đặng Phong, 2002). Ở Nam Bộ, đầu năm 1951, Trung ương Cục chủ trương mở đợt vận động địa chủ hiến điền. Thực hiện chủ trương này, trong năm 1951 đã có 445.000 nông dân ở Nam Bộ được cấp 253.682 ha ruộng đất của Pháp và Việt gian (Báo Nhân dân miền Nam, 1952). Tính chung ở Nam Bộ, có khoảng 6.000 địa chủ đã bỏ ruộng đất ở vùng nông thôn về ở trong các thành phố. Toàn Nam Bộ đã chia khoảng 564.547 ha cho 527.153 nhân khẩu, tính trung bình mỗi người được chia gần 2 ha (Đặng Phong, 2002). Nhờ biện pháp này mà ở một số tỉnh thuộc Tây Nam bộ, chỉ trong một thời gian ngắn không chỉ giải quyết được nhu cầu lương thực mà còn đóng góp cho chính quyền cách mạng thông qua hình thức thuế và đảm phụ nông nghiệp. Cụ thể, năm 1951, Bạc Liêu nộp 600.000 gia, năm 1952 là 800.000 gia; những năm 1953-1954, thuế nông nghiệp nhiều nơi tăng lên gấp đôi, gấp ba: Cần Thơ nộp 1.800.000 gia (36.000 tấn), Sóc Trăng 1.750.000 gia (35.000 tấn), Bạc Liêu là hơn 2.000.000 gia (40.000 tấn) (Văn Tiến Dũng, 1996).

Nhằm thiết lập, sửa soạn và dân chủ hóa nền nông nghiệp kháng chiến, Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ đã vạch ra chính sách đối với kinh tế Nông nghiệp (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, 2012). Trong những năm 1947-1949, ở các vùng giải phóng, các hoạt động xây dựng bảo vệ căn cứ cách mạng, quân sự, an ninh, kinh tế... đều được đẩy mạnh. Các tổ chức kinh tài các cấp đã đứng ra tổ chức cho quân, dân, chính, đảng tự lực sản xuất, khai hoang, mở ruộng, trồng lúa, khoai, bắp, đậu, bí, rau, củ, quả...; chăn nuôi heo, gà, tôm, cá; làm muối, nước mắm, khai thác củi, đốt than, dệt vải, mở xưởng giấy, nhà in; tiến hành thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, tiền bạc trong nhân dân... Công tác tăng gia sản xuất, tự túc lương thực phát triển thành phong trào. Ủy ban Kháng chiến hành chính các cấp chỉ đạo cân đối mậu dịch trong vùng tự do, tự túc tối đa các nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt và công tác. Hàng loạt các nông trường sản xuất, chăn nuôi, các xí nghiệp dệt, da, giấy, gốm, lò đường... được thành lập và hoạt động có hiệu quả, cung ứng một phần nhu cầu của bộ đội, cán bộ, du kích và nhân dân trong căn cứ. Tính đến năm 1947, hoạt động kinh tế nông nghiệp kháng chiến ở các tỉnh thành Nam Bộ trung bình đạt 80 triệu gia lúa, cụ thể: Tỉnh Bà Rịa sản xuất được 600.000 gia, Biên Hòa 550.000 gia, Thủ Dầu Một 700.000 gia, Gia Định 2.000.000 gia, Chợ Lớn 5.000.000, Tân An 4.600.000, Mỹ Tho 10.000.000 gia, Bến Tre 5.000.000, Cần Thơ 7.000.000 gia, Sóc Trăng 4.000.000 gia, Bạc Liêu 13.000.000 gia, Rạch Giá 11.000.000 gia, Long Xuyên 300.000 gia,... (Ủy ban Kháng chiến hành chính

Nam Bộ, 1947b). Đến cuối năm 1949 số lúa thu hoạch được tại các căn cứ tăng gấp 20 lần so với vụ mùa cuối năm 1947 (Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 2018). Tuy nhiên, do sản xuất còn nhỏ lẻ cũng như sự đánh phá ác liệt của quân Pháp, các hoạt động kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ cũng gặp nhiều khó khăn, tổn thất.

Tháng 3/1951, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam. Để phù hợp với hoạt động chiến trường lúc bấy giờ, Trung ương Cục tiến hành hợp nhất về tổ chức cơ quan Trung ương Cục miền Nam và cơ quan Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ (nhưng tách rõ chức năng cơ quan Đảng và chính quyền). Tài chính Nam bộ có hai bộ phận với những nhiệm vụ: Cơ quan tài chính của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ lo thu chi bên phía chính quyền, quân đội; Ban Tài chính của Trung ương Cục miền Nam lo các nhu cầu chi tiêu của cấp ủy. Ban Tài chính Trung ương Cục lúc này có hai nhiệm vụ chính: (1) Bảo đảm sản xuất trong vùng giải phóng; (2) Đấu tranh kinh tế với địch ở vùng tạm chiếm thông qua xuất nhập khẩu (Ban Kinh - Tài Trung ương Cục miền Nam, 2007). Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục, Ban Kinh tài kháng chiến dần định hình và phát triển rộng khắp ở các tỉnh, huyện trong vùng giải phóng trên địa bàn Khu 7, Khu 8, Khu 9 và cả ở một số địa bàn giáp ranh. Bên cạnh các cửa hàng buôn bán của cư dân, tư thương là hệ thống cửa hàng thương nghiệp quốc doanh mọc lên ở khắp nơi. Đặc biệt, với sự ra đời ngân khổ, tín dụng sản xuất và Ngân hàng nhân dân, đánh dấu sự lớn mạnh của hệ thống kinh tài ở Nam Bộ với các ngành: công nghiệp, nông nghiệp, mậu dịch, tài chính, thuế, ngân hàng.

Thực hiện công tác đấu tranh kinh tế với địch, theo Nghị định của Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ, từ ngày 2/7/1947, trong toàn Nam Bộ cấm không được xài, giữ giấy bạc của Pháp do Ngân hàng Đông Dương phát hành (Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ, 1947c). Ban Đấu tranh kinh tế gồm các ngành ngân hàng, thuế và mậu dịch được thành lập do ông Ung Văn Khiêm làm trưởng ban để thống nhất chỉ đạo đấu tranh từ Ủy ban Nam Bộ đến tận các tỉnh và các cửa khẩu. Lúc này, bên cạnh Ngân hàng Nhân dân Nam bộ còn có Ngân hàng Xuất nhập khẩu liên tỉnh Bạc – Cần – Sóc (Bạc Liêu, Cần Thơ, Sóc Trăng) để chỉ đạo công tác đấu tranh tiền tệ. Nhờ vận dụng chủ trương ba mặt cân đối có kết quả (giảm bớt phát hành giấy bạc chi cho ngân sách, củng cố lưu thông tiền tệ và sức mua của đồng tiền, bình ổn vật giá), Ngân hàng Nhân dân Nam bộ không chỉ đảm bảo cung cấp tài chính cho phân liên Khu miền Đông và các tỉnh khác ở Nam bộ trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến mà còn tích lũy được hàng trăm đồng bạc Đông Dương để đổi thu tiền khi Hiệp định Genève được thực thi (Ban Kinh – Tài Trung ương Cục miền Nam, 2007).

Để chống chính sách lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của địch, quản lý chặt việc xuất nhập khẩu để bảo vệ và phát triển sản xuất khu căn cứ tự do, chống địch phá hoại, cướp bóc tài sản nhân dân, bảo vệ sản phẩm khu căn cứ... trong những năm 1952-1953 Ban Kinh tài Nam Bộ tiếp tục chủ trương đẩy mạnh đấu tranh kinh tế với địch. Theo đó, đối với vùng tạm chiếm, chủ trương của ta là giáo dục nhân dân đấu tranh chống bắt xâu, bắt lính, đóng thuế nhẹ, tăng lương, bớt giờ làm việc, bớt dùng các mặt hàng xa xỉ phẩm của địch; giải

thích cho nhân dân thấy rõ âm mưu lừa gạt, bóc lột và bần cùng hóa nông dân của Pháp, chống chính sách lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Đối với các vùng giao dịch giữa ta và địch, tăng cường kiểm soát xuất nhập khẩu và giáo dục nhân dân ý thức đấu tranh kinh tế với địch. Hướng dẫn nhân dân tranh thủ giao dịch buôn bán với địch có lợi cho ta và phá vùng đai trắng ở miền Đông Nam bộ. Đồng thời, tiến hành bảo vệ tài sản, phát triển du kích chiến tranh, phá tan tiêu quy mô các cơ sở và cất dấu tài sản (Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, 1954).

Nhằm phá chủ trương bao vây kinh tế của địch, nhiều tỉnh ở Nam Bộ đã xây dựng nhiều tuyến đường hành lang tiếp tế từ các vùng địch tạm chiếm với vùng tự do, và giữa các vùng, các khu với nhau. Lúc này, các đường dây vận chuyển được tổ chức dưới nhiều hình thức công khai và bí mật. Khu Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức được hàng chục cơ sở vận động, thu mua, tiếp nhận và là đầu cầu chuyển hàng hóa về các chiến trường trên toàn Nam bộ. Năm 1949, Ban Vận tải liên tỉnh miền Đông Nam bộ xây dựng một hành lang vận tải chiến lược từ miền Tây về Khu 7 với quãng đường 300km, xuyên qua các vùng địch kiểm soát. Đây là hành lang đảm bảo cung cấp gạo, thực phẩm, tài liệu từ miền Tây lên miền Đông. Để vận chuyển hàng từ các đầu nguồn về căn cứ của Khu, Khu 7 thành lập trung đội vận tải 20 (về sau phát triển thành đại đội) để thực hiện nhiệm vụ này. Bên cạnh đó, ta cũng chủ trương không bán hàng hóa về vùng địch tạm chiếm và không tiêu thụ các mặt hàng xa xỉ phẩm từ đô thị về (Ủy Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, 1948b). Khắp các tỉnh ở miền Đông Nam bộ phong trào phá hoại kinh tế của địch diễn ra mạnh mẽ, nổi bật là phong trào phá hoại cao su của Pháp. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn, các hoạt động phá hoại cơ sở kinh tế của địch liên tục tiếp diễn với các phong trào đấu tranh bãi công, biểu tình,... Từ tháng 2 đến tháng 9/1949 ở Khu 7, công nhân đã đốt 85.995kg mù khô, 106.012 lít mù nước,... (Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 2018).

Đẩy mạnh hơn nữa việc sản xuất tự túc trong các cơ quan và bộ đội, năm 1951, Trung ương Cục ra chỉ thị, chỉ rõ “nhiệm vụ cấp bách lúc này là phải phát động một phong trào tự cấp, tự túc mạnh mẽ trong cơ quan và bộ đội. Từ nay mỗi cơ quan, mỗi đơn vị phải tiến tới làm đủ ăn, đủ mặc, mỗi người trong cơ quan đơn vị phải thiết tha với việc sản xuất tự túc như người trong gia đình. Bất cứ cơ quan lớn hay nhỏ, bộ đội chủ lực hay địa phương, từ cán bộ đến nhân viên, đội viên mỗi tháng phải sản xuất 10 ngày, làm việc 20 ngày. Nghĩa là mỗi người trong một năm phải để ra 120 ngày tham gia sản xuất, và một người sản xuất phải nuôi 3 người” (Trung ương Cục, 1951). Để công tác đạt kết quả, Chỉ thị còn quy định ở mỗi cấp phải thành lập một Ban sản xuất để chịu trách nhiệm trước Trung ương về phong trào sản xuất tự túc, thành phần bao gồm: Ở Miền Đông có Đại diện Bộ tư lệnh Nam Bộ, đại diện Phân Sở Kinh tế Canh nông Liên khu miền Đông, đại diện Ban Căn cứ địa Nam Bộ, đại diện phòng Quân nhu tài chính Nam Bộ; Cấp tỉnh có: Bí thư tỉnh ủy, đại diện tỉnh đội bộ, Trưởng Ty Kinh tế và Canh nông, ban Quân Nhu tỉnh đội bộ, đại diện ban Căn cứ địa. Các cơ quan cùng hoạt động làm thành một khối, mỗi khối có một tiểu ban sản xuất tự túc ở các cơ quan và đơn

vị nằm trong tiêu ban (Trung ương Cục 1951). Quán triệt chỉ thị của Trung ương Cục, Bộ tư lệnh Nam bộ đề ra nhiệm vụ cụ thể cho Khu 7 là: Giữ vững và nâng cao mức kinh tế của nhân dân và quân đội, phát triển mạnh mẽ và sâu rộng du kích chiến trong toàn Khu,... giành giật bảo vệ các vùng nhân lực và vật lực. Trong những năm 1951-1954, các hoạt động kinh tế kháng chiến ở các cơ quan, đơn vị, căn cứ, vùng tự do,... ở Nam Bộ tiếp tục diễn ra hết sức sôi nổi, phong trào tăng gia sản xuất, sản xuất tiết kiệm, giữ gìn đất đai, lúa gạo, gia súc,... được đẩy mạnh. Trên các đường giao thông, các cơ sở cao su, các khu vực kinh tế tại các đô thị,... bộ đội và nhân dân địa phương triển khai việc phá hoại, lầy của địch để bồi dưỡng ta (Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 2018).

Tại các vùng tự do, các hoạt động gia tăng sản xuất, chính sách giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất tiếp tục được thực thi, nền kinh tế dân chủ và độc lập bước đầu được xây dựng, nông dân làm chủ nhiều ruộng đất. Ở tỉnh Bà Rịa – Chợ Lớn tình hình sản xuất vụ mùa trong năm 1951-1952 cụ thể như sau: Năm 1951 tổng số dân trong tỉnh là 13.082 người đã làm được 1.718 mẫu 97 sào rẫy, 1.202 mẫu 97 sào ruộng (trung bình mỗi người dân làm được 22 sào); năm 1952 tổng số dân trong tỉnh là 9.691 người đã làm được 1.422 mẫu 25 sào rẫy, 894 mẫu 21 sào ruộng (trung bình mỗi người dân làm được 24 sào). Trong khi đó việc sản xuất của các cơ quan, bộ đội trong tỉnh cũng phát triển mạnh: Năm 1951 làm được 38 mẫu rẫy, năm 1952 làm được 255 mẫu 15 sào rẫy và 175 mẫu ruộng. Ngoài ra đối với vùng du kích và vùng địch hậu, xác định đây là vùng quan trọng, chiếm hơn 95% tổng ruộng đất cày cấy trong toàn tỉnh, vì thế tỉnh đã chủ trương phát triển nền sản xuất lên cao để tăng mức sinh sống cho nhân dân, đồng thời việc tạo nguồn dự trữ cho vùng căn cứ cũng đã có bước phát triển mạnh (Ban Kinh tài tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn 1952). Tỉnh Long Châu Sa, diện tích cấy sạ trong vùng du kích phát triển đến 60%, các vùng căn cứ tăng lên 15%, sản lượng thu hoạch được trong các căn cứ đạt khoảng 16.000 gia (Ban Kinh tài tỉnh Long Châu Sa 1954). Tính chung toàn Nam Bộ, mức sản xuất và tiêu thụ lúa gạo của nông dân Nam Bộ tăng từ 650.000 tấn (thời kỳ 1937-1938) lên đến 1.329.000 tấn (thời kỳ 1950-1952) (Võ Văn Sen, 2011). Với sự cố gắng cao của quân, dân Nam Bộ, các hoạt động kinh tế kháng chiến đã đạt được những kết quả to lớn, đáp ứng được một phần nhu cầu thiết yếu của quân, dân, chính, đảng, góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn.

4. Kết luận

Bối cảnh lịch sử và thực tiễn cuộc kháng chiến chống Pháp đã đặt ra nhiệm vụ cho quân, dân Nam Bộ vừa phải xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến; vừa phải xây dựng, củng cố hệ thống chiến khu, căn cứ địa cánh mạng, mở rộng vùng giải phóng; vừa phải xây dựng, kiện toàn hệ thống kinh tài phục vụ kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặt trận kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ đã nắm vững quan điểm tự lực cánh sinh, kháng chiến lâu dài, dựa vào nhân dân. Dù vẫn còn khó khăn, nhưng nền kinh tế kháng chiến ở Nam bộ đã dần đáp ứng được một phần nhu cầu của các tổ chức quân, dân,

chính, đảng. Mặc dù bị chiến tranh tàn phá ở một số vùng, nhưng nạn đói không xảy ra; ở một số vùng giải phóng ở Tây Nam bộ còn dư thóc, gạo, nông sản để bán ra vùng địch tạm chiếm. Thực tiễn chiến trường Nam Bộ và thực tiễn hoạt động của kinh tế kháng chiến trong những năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đã để lại những trang sử vàng và những bài học quý báu trong đấu tranh bảo vệ, xây dựng và kiến thiết đất nước trong quá khứ cũng như trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Kinh - Tài Trung ương Cục miền Nam (2007). *Lịch sử Ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [2] Ban Kinh tài tỉnh Long Châu Sa (1954). *Báo cáo của Ban Kinh tài tỉnh Long Châu Sa về kinh tế tài chính*. Số 193/KT, tháng 2/1954.
- [3] Ban Kinh tài tỉnh Bà Rịa-Chợ Lớn (1952). *Bản tổng kết tình hình kinh tế-tài chính của tỉnh Bà Rịa-Chợ Lớn*. Ngày 30/3/1952.
- [4] Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2018). *Miền Đông Nam bộ từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XXI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] *Báo Nhân dân miền Nam*. Số 87, ngày 19/12/1952.
- [6] Cục văn thư Lưu trữ Nhà nước (2012). *Nam Bộ kháng chiến 1945-1954*, tập II *Kinh tế*. NXB Văn hóa – Thông tin.
- [7] Đặng Phong (2002). *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, tập 1, *Giai đoạn 1945-1954*. NXB Khoa học Xã hội.
- [8] Hà Minh Hồng (2008). Những góc nhìn từ lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam, trong sách *Nam bộ 1945-1975*. NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- [9] Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, tập 4. NXB Chính trị Quốc gia.
- [10] Lưu Văn Quyết (2019). Công tác dạy và học trong hệ thống trường trung học nội trú kháng chiến ở Nam Bộ thời kỳ 1945-1954. *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 1(3). Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11] Quốc Minh (2017). Đồng tiền Nam Bộ. *Báo tuổi trẻ*. /<https://tuoitre.vn/dong-tien-nam-bo-1378018.htm>, ngày 31/8/2017.
- [12] Trung ương Cục (1951). *Chỉ thị của Trung ương Cục về việc động viên cơ quan và bộ đội sản xuất tự túc*. Số 23/CT-CU, ngày 18/9/1951.
- [13] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1947a). *Nghị định của Ban thường vụ Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ về cách thức phân phối số thâu của Ủy ban Kháng chiến hành chính các tỉnh*. Số 86/CT, ngày 8/12/1947.
- [14] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1947b). *Phúc trình tổng kết của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ về tình hình kinh tế Nam Bộ*. Số 21/PT, ngày 27/12/1947.
- [15] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ (1947c). *Nghị định của Ban thường vụ Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ về việc cấm lưu hành giấy bạc của Pháp phát hành*. Số 32/CT, ngày 2/7/1947.
- [16] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1948a). *Nghị định của Ban thường vụ Ủy ban*

Kháng chiến hành chính Nam Bộ về việc thành lập quỹ “đồng bạc kháng chiến”. Số 81/NĐ-NB, ngày 14/3/1948.

- [17] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1948b). *Nghị định của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ về việc cấm chở bán một số sản phẩm vào Sài Gòn - Chợ Lớn và các vùng bị giặc chiếm. Số 177/NĐ-NB, ngày 30/6/1948.*
- [18] Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1954). *Mật điện của Ban Kinh tài Nam bộ gửi Bộ Kinh tế Trung ương báo cáo công tác đấu tranh kinh tế với địch. Số 22/KT-Đ, ngày 3/9/1954.*
- [19] Võ Văn Sen (2011). *Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (1954-1975)*. NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- [20] Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết (2021). Những biện pháp vượt qua khó khăn về kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong thời gian đầu mới thành lập (8/1945-12/1946). *Tạp chí Khoa học Xã hội, Viện KHXH vùng Nam Bộ, 1(269)*.
- [21] Văn Tiến Dũng (1996). *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [22] Viện kinh tế học (1990). *45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990)*. NXB Khoa học Xã hội.
- [23] Viện kinh tế học (1960). *Kinh tế Việt Nam 1945-1960*. NXB Sự thật.
- [24] Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997). *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.